

2023 홍익대학교 모집요강

người nước ngoài
tuyển chọn đặc biệt

nhập học tháng 9
Tiếng Việt

admission.hongik.ac.kr

CONTENTS

I. Thủ tục nhập học

II. Lịch tuyển sinh

III. Điều kiện xin nhập học

IV. Phương pháp tuyển sinh

V. Học phí
(tính theo thời gian nhập học
vào tháng 3 năm 2023)

VI. Học bổng toàn cầu Hongik

VII. Thông tin ký túc xá

Hongik University

Where industry meets arts

01 산업과 예술이 만나는 NEW CONVERSION

홍대의 스케일과 대체 불가능한 역사를 바탕으로 산업과 예술이 만나 아름답고 새로운 미래 창조

02 사람을 위한 기술로 NEXT HUMANISM

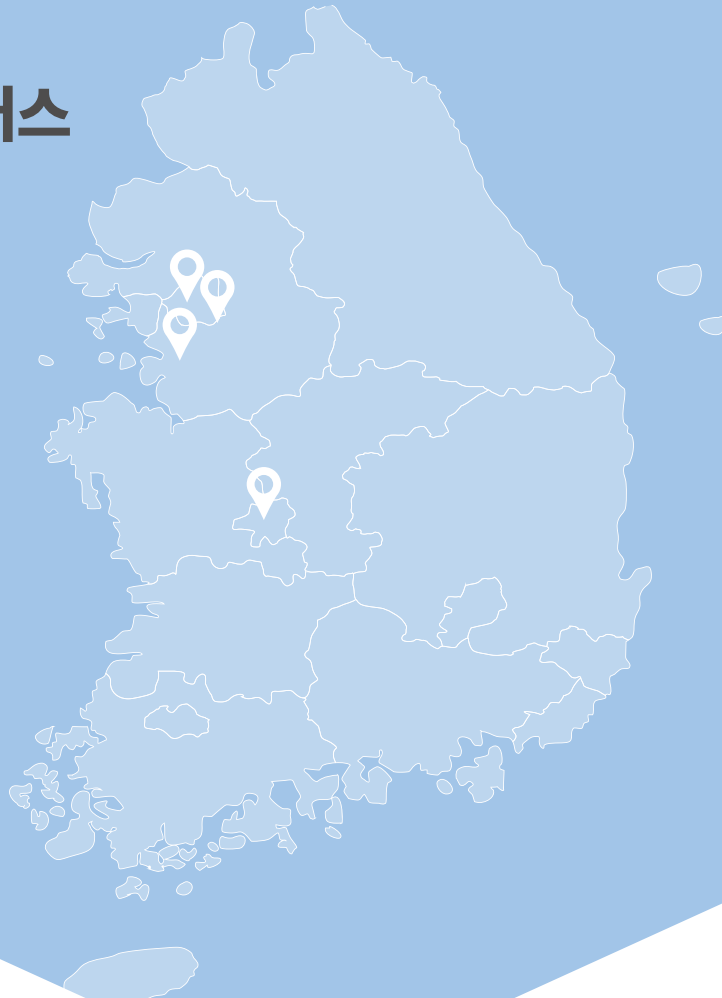
홍대가 만들어 내는 것은 인간을 이롭게 하리라는 홍익의 철학을 바탕으로 한 인간중심의 기술

03 현재와 미래가 공존하는 SMART REVOLUTION

첨단 융복합 프로그램, 산학협동, 창업지원, 국제교류 34개국 및 121개 자매결연 대학



4개의 멀티캠퍼스 4색 혁신



서울 캠퍼스
대학 문화의 중심 아트테크캠퍼스

지식 문화 산업 소통의 장
'홍익 아트스퀘어'



세종 캠퍼스
산학예술캠퍼스

문화예술 인프라와 IT기술이
접목되는 산학연구캠퍼스



대학로 캠퍼스
문화·예술·디자인의 메카

대학로 아트센터를 기반으로
디자인 중심지 역할 수행



화성 캠퍼스
4차산업 혁명의 산실

AI, 반도체 융합 연구 등
4차 산업혁명 캠퍼스

Seoul Campus

Draw your creative dream

공과대학 | 건축도시대학 | 사범대학 | 경영대학
문과대학 | 법과대학 | 미술대학 | 경제학부
공연예술학부 | 디자인·예술경영학부 | 서울캠퍼스 자율전공



젊은이들의 열정을 맘껏 느낄 수 있는
국제적 문화·예술의 중심에
홍익대학교가 있습니다.
「홍익 아트스퀘어」 신축,
VR 뮤지엄 개관 등을 통해
4차 산업혁명시대를 이끌어갈
융합 및 창업 교육을 강화합니다.



Sejong Campus

Where industry meets arts

과학기술대학 | 상경대학 | 조형대학 | 광고홍보학부
게임학부 | 산업스포츠학과 | 세종캠퍼스 자율전공



행정복합도시 내 광활한

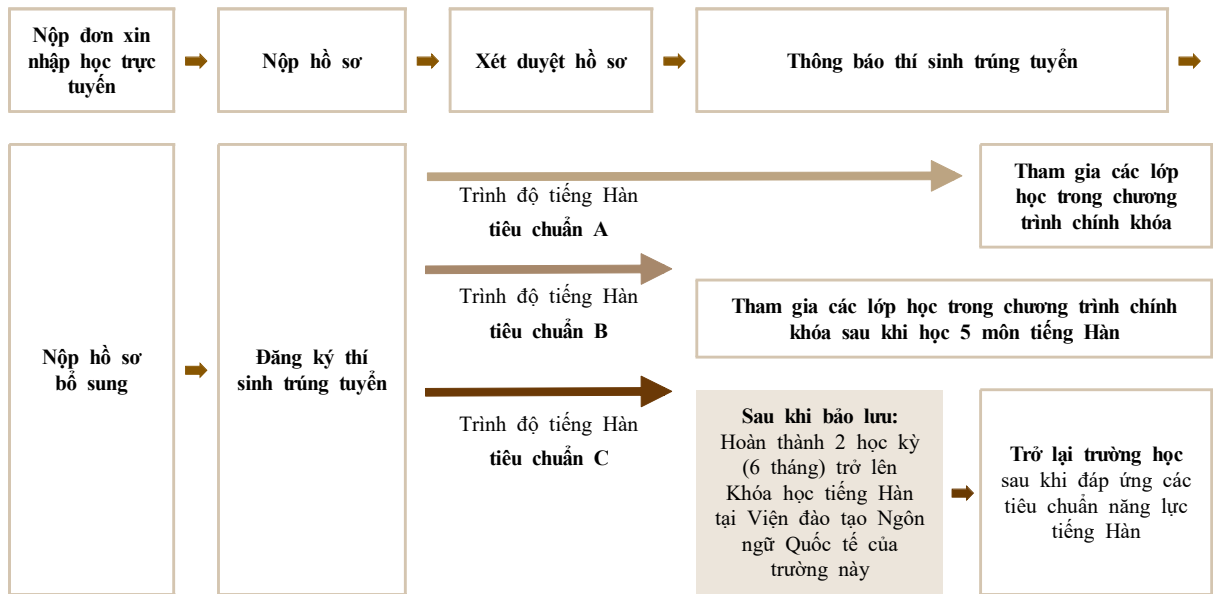
자연 친화형 교지에 자리잡은 세종캠퍼스는
복수전공·부전공이 활성화된 교과과정의 운영과
현장 밀착형 공학, 디자인, 미디어, 정보관련 분야가
특성화된 캠퍼스입니다.

중부권 산학협력단지의 메카로 새로운 도약을 위해
10만 평의 스마트 밸리 조성을 추진합니다.



Thông tin tuyển sinh tháng 9 năm 2023 dành cho người nước ngoài theo diện tuyển sinh đặc biệt (hệ đại học)

I. Thủ tục nhập học



※ Đối với các thí sinh đạt trình độ tiếng Hàn tiêu chuẩn C, đã trúng tuyển vào trường nhưng không đăng ký được tại Viện đào tạo Ngôn ngữ Quốc tế của trường thì sau đó việc trúng tuyển vào trường sẽ bị hủy bỏ.

※ Tham khảo: tiêu chuẩn đáp ứng trình độ tiếng Hàn

Người đáp ứng tiêu chuẩn A	Đạt TOPIK cấp 4 trở lên hoặc đạt cấp 5 trở lên tại Viện đào tạo Ngôn ngữ Quốc tế của trường
Người đáp ứng tiêu chuẩn B	Đạt TOPIK cấp 3 hoặc đạt cấp 4 tại Viện đào tạo Ngôn ngữ Quốc tế của trường
Người đáp ứng tiêu chuẩn C	Đạt TOPIK cấp 2 trở xuống hoặc đạt cấp 3 trở xuống tại Viện đào tạo Ngôn ngữ Quốc tế của trường

※ Từ tháng 3 năm 2024, người nước ngoài được tuyển sinh theo diện đặc biệt bắt buộc phải nộp chứng chỉ 'TOPIK' hoặc 'Bảng điểm từ Viện đào tạo Ngôn ngữ Quốc tế' của trường.

II. Lịch tuyển sinh

Phân loại	Nhập học tháng 9 năm 2023
Tiếp nhận đơn xin nhập học trực tuyến	15.5.2023 (Thứ Hai) ~ 22.5.2023 (Thứ Hai)
Nhập liệu và nộp các giấy tờ cần thiết	15.5.2023 (Thứ Hai) ~ 23.5.2023 (Thứ Ba)
Thông báo thí sinh trúng tuyển	23.6.2023 (Thứ Sáu)
Đăng ký thí sinh trúng tuyển	3.7.2023 (Thứ Hai) ~ 7.7.2023 (Thứ Sáu)
Thí sinh trúng tuyển nộp hồ sơ bổ sung	10.7.2023 (Thứ Hai) ~ 25.7.2023 (Thứ Ba)
Khai giảng	1.9.2023 (Thứ Sáu)

III Điều kiện xin nhập học

1. Cả cha mẹ và người nộp đơn đều có quốc tịch nước ngoài trước ngày nhập học trung học phổ thông của người nộp đơn; quốc tịch của cả cha và mẹ được xác nhận ngay cả trong trường hợp cha mẹ ly hôn hoặc qua đời.

(Tuy nhiên, cha/mẹ chỉ có nghĩa là cha đẻ/mẹ đẻ/cha nuôi/mẹ nuôi và không phải cha dượng/mẹ kế)

※ Trường hợp không thể xin nhập học
· Người có quốc tịch nước ngoài vì được người nước ngoài nhận nuôi sau khi nhập học trung học cơ sở
· Người có hai quốc tịch, bao gồm quốc tịch Hàn Quốc
· Tính đến thời hạn nộp đơn, người nộp đơn hoặc cha/mẹ có quốc tịch Hàn Quốc

2. Là học sinh đã (sắp) tốt nghiệp một trường trung học phổ thông chính quy ở Hàn Quốc hoặc nước ngoài. Chỉ công nhận chương trình giáo dục tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông mà học lực chính quy được công nhận theo quy định Luật liên quan đến giáo dục của Hàn Quốc và quốc gia liên quan.

※ Trường hợp không thể xin nhập học
· Không công nhận chương trình học cho mục đích đào tạo ngôn ngữ, chương trình học dự bị đại học, chương trình giáo dục thường xuyên, chương trình đại học dành cho người trưởng thành, khóa học viễn thông, khóa học qua Internet, kỳ thi kiểm tra trình độ trong và ngoài nước (GED Mỹ, kỳ thi tự học của Trung Quốc, v.v.) và học tại nhà.
· Không công nhận các cơ sở giáo dục với mục đích giáo dục mầm non, mẫu giáo và đào tạo ngôn ngữ.

IV. Phương pháp tuyển sinh

Khối ngành tuyển sinh	Xét duyệt hồ sơ	Video thực tế
Nhân văn/Tự nhiên/Nghệ thuật	100%	-
Khoa biểu diễn nghệ thuật	60%	40%

V. Học phí (tính theo thời gian nhập học vào tháng 3 năm 2023)

Campus	Khối ngành tuyển sinh	Học phí
Seoul Campus	Khối ngành Nhân văn	4,341,200 won
	Khối ngành Tự nhiên/ Khối ngành Mỹ thuật	5,633,200 won
	Khoa biểu diễn nghệ thuật	6,189,200 won
Sejong Campus	Khối ngành Nhân văn	4,341,200 won
	Khối ngành Tự nhiên/ Khối ngành Mỹ thuật	5,633,200 won

VI. Học bổng toàn cầu Hongik

1. Học bổng toàn cầu hóa

- (1) Đối tượng được trao học bổng: Được chọn trong số tân sinh viên đạt TOPIK cấp 5 trở lên
- (2) Phương thức tuyển chọn: Hội đồng tuyển sinh của trường chọn tối đa 2 tân sinh viên từ mỗi quốc gia và giới hạn tổng số 10 sinh viên
(nhập học tháng 3: 4 sinh viên, nhập học tháng 9: 6 sinh viên)
- (3) Số tiền học bổng: ① Phí nhập học và học phí
② Hỗ trợ phí ký túc xá (theo tiêu chuẩn 2 người/phòng) khi sử dụng ký túc xá trong khuôn viên trường cho học kỳ chính quy
③ Tuyển chọn ưu tiên khi đăng ký học bổng sinh viên tình nguyện trong trường
- (4) Thời gian trao học bổng: 4 năm [5 năm đối với Chuyên ngành Kiến trúc tại Seoul Campus (chương trình 5 năm) và Chuyên ngành Thiết kế Kiến trúc tại Sejong Campus (chương trình 5 năm)], và từ học kỳ thứ hai, chỉ trao học bổng cho những sinh viên trong học kỳ trước đã hoàn thành 12 tín chỉ trở lên và có điểm trung bình từ 3.0 trở lên.

2. Học bổng xuất sắc năng lực tiếng Hàn

- (1) Đối tượng : Tân sinh viên đạt TOPIK cấp 4~6
(Tuy nhiên, trường hợp là tân sinh viên chuyên ngành Kiến trúc Khoa Kiến trúc Trường Đại học Kiến trúc Đô thị tại Seoul Campus (chương trình 5 năm), chuyên ngành Kiến trúc Nội thất, Đại học Mỹ thuật, chỉ áp dụng với tân sinh viên đạt TOPIK cấp 5~6)

(2) Số tiền học bổng

Campus	Phân loại	TOPIK 4	TOPIK 5	TOPIK 6
Seoul	Số tiền	50% học phí và phí ký túc xá	60% học phí và phí ký túc xá	70% học phí và phí ký túc xá
	Thời gian	Học kỳ 1 sau khi nhập học		
Sejong	Số tiền	50% học phí và phí ký túc xá	60% học phí và phí ký túc xá	70% học phí và phí ký túc xá
	Thời gian	1 năm sau khi nhập học		2 năm sau khi nhập học

※ Phí ký túc xá tính theo 2 người 1 phòng, chỉ hỗ trợ khi nhập học học kỳ chính quy (không hỗ trợ trong thời gian nghỉ học)

※ Đối với Sejong Campus, từ học kỳ thứ hai trở đi, chỉ trao học bổng cho sinh viên hoàn thành ít nhất 12 tín chỉ của học kỳ trước và đạt điểm trung bình là 2.5 trở lên.

3. Học bổng dành cho sinh viên tốt nghiệp Viện đào tạo Ngôn ngữ Quốc tế tại trường

- (1) Đối tượng : Sinh viên đã hoàn thành ít nhất 2 học kỳ của chương trình học tiếng Hàn tại Viện đào tạo Ngôn ngữ Quốc tế của trường và đạt cấp 4 trở lên
- (2) Số tiền học bổng : 30% học phí và phí ký túc xá
- (3) Thời gian trao học bổng : Học kỳ 1 sau khi nhập học
※ Phí ký túc xá tính theo 2 người 1 phòng, chỉ hỗ trợ khi nhập học học kỳ chính quy

(không hỗ trợ trong thời gian nghỉ học)

4. Học bổng cho sinh viên có thành tích xuất sắc (Sinh viên đang theo học)

(1) Đối tượng : Sinh viên đang theo học (trao học bổng sau học kỳ 2 của năm nhất)

(2) Số tiền học bổng và phương thức lựa chọn : Từ sau học kỳ 2 của năm nhất, những sinh viên đã hoàn thành 12 tín chỉ trở lên trong học kỳ trước sẽ được trao học bổng tùy theo điểm số (Tuy nhiên, đối với chuyên ngành Kiến trúc Khoa Kiến trúc Trường Đại học Kiến trúc Đô thị tại Seoul Campus (chương trình 5 năm), chuyên ngành Kiến trúc Nội thất, Đại học Mỹ thuật, chỉ chọn những sinh viên có điểm nằm trong top 3% của học kỳ trước)

Điểm trung bình học kỳ trước	Số tiền học bổng
Từ 4.0 trở lên	Toàn bộ học phí
Từ 3.5 đến dưới 4.0	80% học phí
Từ 3.0 đến dưới 3.5	60% học phí
Từ 2.5 đến dưới 3.0	40% học phí
Từ 2.0 đến dưới 2.5	1,200,000 won

(3) Trường hợp sinh viên thụ giảng và hoàn thành tất cả 15 tín chỉ của khóa học tiếng Hàn (15 tín chỉ) do trường chỉ định trong học kỳ đầu tiên nhập học, sẽ được trao học bổng là 900,000 won trong học kỳ thứ 2 (Tuy nhiên, trừ chuyên ngành Kiến trúc Khoa Kiến trúc Trường Đại học Kiến trúc Đô thị tại Seoul Campus (chương trình 5 năm), chuyên ngành Kiến trúc Nội thất, Đại học Mỹ thuật)

5. Học bổng chứng nhận ngôn ngữ (Sinh viên đang theo học)

(1) Đối tượng : Sinh viên đang theo học nộp chứng chỉ TOPIK cấp 4 trở lên, cao hơn cấp tại thời điểm nhập học

(2) Số tiền học bổng: trao học bổng 100,000 won lần đầu tiên đạt TOPIK cấp 4 trở lên và 40.000 won phí dự thi lên cấp sau đó

■ Thông tin chi tiết tham khảo: <http://admission.hongik.ac.kr>

VII. Thông tin ký túc xá

1. Seoul Campus

- (1) Ký túc xá 1: · 4 người/phòng
- Trang bị đồ dùng cá nhân như bàn làm việc, giá sách, giường, tủ quần áo, thiết bị mạng LAN, điện thoại bàn,...
 - Trang bị các công trình phụ trợ chung như phòng nghỉ, phòng giặt, phòng tắm vòi hoa sen,...
 - Sức chứa 330 người [212 nam sinh, 118 nữ sinh]
- (2) Ký túc xá 2: · 2 người/phòng
- Mỗi phòng có phòng tắm riêng, bàn làm việc, giá sách, giường, tủ quần áo, thiết bị mạng LAN, điện thoại bàn,...
 - Có nhà ăn trong ký túc xá
 - Trang bị nhiều tiện ích phúc lợi hiện đại
 - Sức chứa 1,048 người [482 nam sinh, 566 nữ sinh]
- (3) Ký túc xá 3 : · 1 người/phòng, 2 người/phòng

- Mỗi phòng có phòng tắm riêng, bàn làm việc, giá sách, giường, tủ quần áo, thiết bị mạng LAN, điện thoại bàn,...
- Sử dụng bếp chung
- Trang bị nhiều tiện ích phúc lợi hiện đại
- Sức chứa 214 người [70 nam sinh, 144 nữ sinh]

2. Sejong Campus

(1) Ký túc xá Duruam : · 2 người/phòng (5 phòng), 4 người/phòng (88 phòng)

- Trang bị đồ dùng cá nhân như bàn làm việc, giá sách, giường, tủ quần áo và thiết bị mạng LAN,...
- Trang bị các công trình phụ trợ chung từng tầng như nhà vệ sinh, phòng tắm vòi hoa sen, phòng giặt,...
- Sức chứa 361 người [241 nam sinh, 120 nữ sinh]

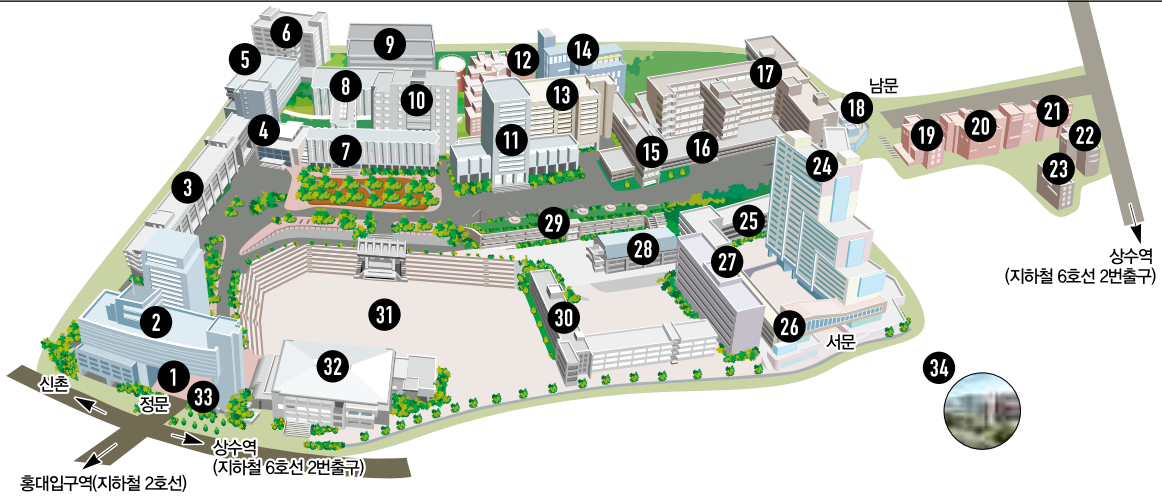
(2) Ký túc xá Saeroam : · 2 người/phòng (108 phòng), 4 người/phòng (196 phòng)

- Trang bị đồ dùng cá nhân như bàn làm việc, giá sách, giường, tủ quần áo và thiết bị mạng LAN,...
- Từng phòng được trang bị nhà vệ sinh, phòng tắm vòi hoa sen
- Trang bị các công trình phụ trợ chung như phòng đọc sách, phòng giặt
- Sức chứa 1,000 người [436 nam sinh, 564 nữ sinh]

- Thông tin chi tiết tham khảo trang chủ: (<http://dormitory.hongik.ac.kr>)

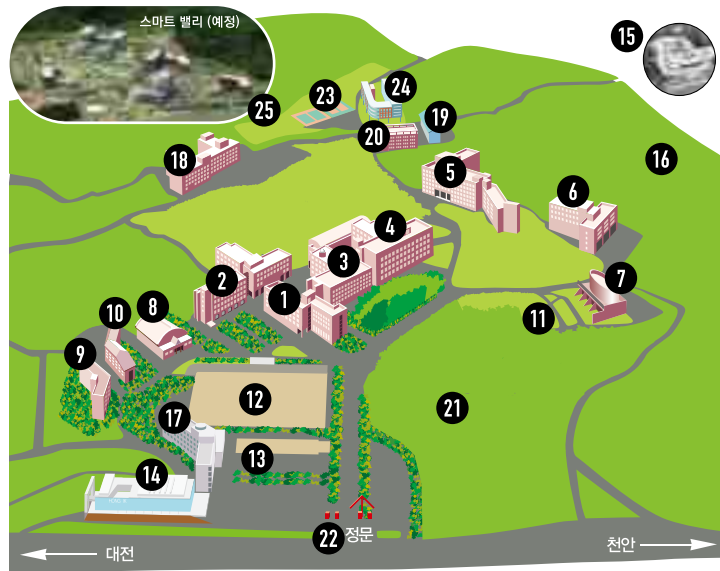
memo

seoul campus



- | | | | | |
|---|--|--|--|--|
| <p>1 정문 正門
Main Gate</p> <p>2 홍문관 弘文館
Hong-Mun Hall</p> <p>3 제1공학관 第一工學館
Engineering BLD 1</p> <p>4 와우관 臥牛館
Wa-U Hall</p> <p>5 제3공학관 第三工學館
Engineering BLD 3</p> <p>6 과학관 科學館
Science BLD</p> <p>7 학생회관 學生會館
Student Center</p> | <p>8 중앙도서관 中央圖書館
Main Library</p> <p>9 제2공학관 第二工學館
Engineering BLD 2</p> <p>10 정보통신센터 信息通信中心
Information and Communication Center</p> <p>11 문헌관 文獻館
Mun-Heon Hall</p> <p>12 미술학관 美術學館
Fine Arts BLD</p> <p>13 조형관 造型館
Design & Craft BLD</p> <p>14 미술종합강의동 美術綜合教學樓
Fine Arts BLD</p> | <p>15 인문사회관 B동 人文社會館 B
Humanities and Social Science B</p> <p>16 인문사회관 A동 人文社會館 A
Humanities and Social Science A</p> <p>17 인문사회관 C동 人文社會館 C
Humanities and Social Science C</p> <p>18 인문사회관 D동 人文社會館 D
Humanities and Social Science D</p> <p>19 국제교육관 國際教育館
International Education BLD</p> <p>20 남문관 南門館
South Gate Hall</p> <p>21 제1기숙사 第一宿舍
Dormitory 1</p> | <p>22 국제언어교육원 國際語言教育院
International Language Institute</p> <p>23 외국인숙소 外國人宿舍
Foreign Faculty Residence</p> <p>24 제2기숙사 第二宿舍
Dormitory 2</p> <p>25 제2강의동 第二教學樓
Lecture BLD 2</p> <p>26 제3강의동 第三教學樓
Lecture BLD 3</p> <p>27 제4공학관 第四工學館
Engineering BLD 4</p> <p>28 강당 禮堂
Auditorium</p> | <p>29 제1강의동 第一教學樓
Lecture BLD 1</p> <p>30 제4강의동 第四教學樓
Lecture BLD 4</p> <p>31 대운동장 大運動場
Stadium</p> <p>32 체육관 體育館
Gymnasium</p> <p>33 가람홀 佳蘭廳(嘉蘭厅)
Garam Hall</p> <p>34 제3기숙사 第三宿舍
Dormitory 3</p> |
|---|--|--|--|--|

sejong campus



- | | | | | |
|---|---|--|---|--|
| <p>1 A교사동 A教學樓
Building A</p> <p>2 B교사동 B教學樓
Building B</p> <p>3 C교사동 C教學樓
Building C</p> <p>4 D교사동 D教學樓
Building D</p> <p>5 E교사동 E教學樓
Building E</p> | <p>6 문정도서관 文井圖書館
Moonjeong Library</p> <p>7 홍익아트홀 弘益藝術廳
Hongik Art Hall</p> <p>8 체육관 體育館
Gymnasium</p> <p>9 두루암학사(남) 宿舍1(男)
Dormitory 1(male)</p> <p>10 두루암학사(여) 宿舍1(女)
Dormitory 1(female)</p> | <p>11 야외조각공원 戶外雕刻公園
Outdoor Sculpture Park</p> <p>12 축구장 足球場
Soccer Stadium</p> <p>13 농구장 籃球場
Basketball Court</p> <p>14 종합체육관 綜合體育館
Gymnasium</p> <p>15 세종연수원 世宗進修院
Sejong Training Institute</p> | <p>16 골프연습장 高爾夫練習場
Golf Range</p> <p>17 학생회관 學生會館
Student Union Hall</p> <p>18 새로암학사 宿舍2
Dormitory 2</p> <p>19 영상·애니메이션 촬영스튜디오 映像·動畫片攝影樓
Video Animation Film Studio</p> <p>20 산학협력관 產學合作館
Industry and University Cooperative Center</p> | <p>21 야외조각장 戶外雕刻場
Outdoor Sculpture Field</p> <p>22 정문 正門
Main Gate</p> <p>23 테니스장 網球場
Tennis Court</p> <p>24 세종관 世宗館
Sejong Hall</p> <p>25 스마트 밸리 智能園區
Smart Valley</p> |
|---|---|--|---|--|

홍익대학교 입학상담 안내



입학관리본부 홈페이지

admission.hongik.ac.kr

'입학관리본부' 홈페이지를 통하여 전년도 합격생들의 입시성적, 전형별 기출문제 등 상세한 입학정보를 제공하고 있으며, 입시 도우미 Q&A 게시판을 통하여 입학상담을 하실 수 있습니다.

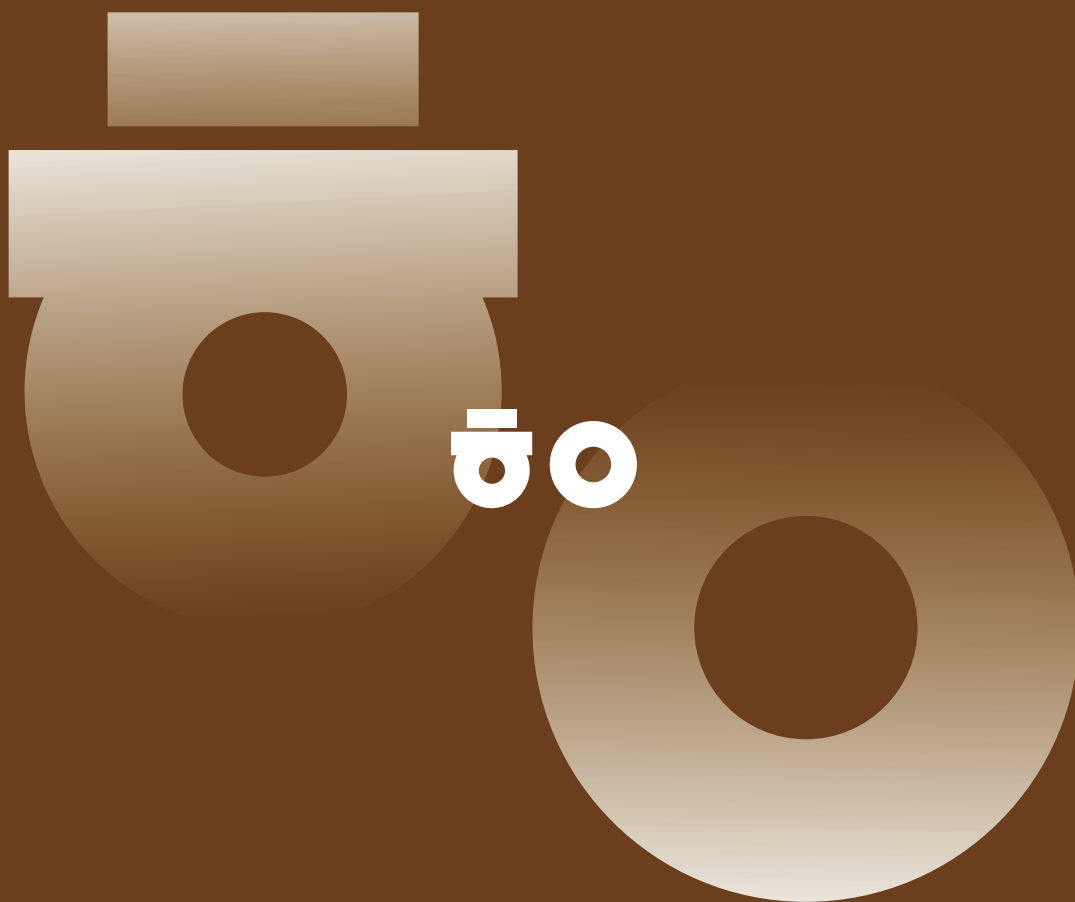
입학상담실 운영

방문상담

본교 입학관리본부
(평일 오전 9시 - 12시, 오후 1시 - 5시)

전화상담

02-320-1056~8



khuôn viên Seoul 04066 đường Wawasan 94, quận Mapo, Seoul
khuôn viên Sejong 30016 đường Sejong 2639, Jochiwon-eup, Sejong
khuôn viên Daehakro 03082 đường Daehakro 57, Jongno-gu, Seoul